

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỨC PHỐ
TỈNH QUẢNG NGÃI

Bản án số: 30/2024/HS-ST
Ngày 04- 7- 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỐ - TỈNH QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Hòa và bà Lê Thị Hạnh

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phố, tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phố, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Ngô Thanh Hiền – Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 7 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phố, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 28/2024/TLST-HS ngày 23 tháng 5 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2024/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 6 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Ngọc B – sinh ngày 17/7/1981 tại tỉnh Quảng Ngãi

Nơi cư trú: Tổ dân phố D, phường Q, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi

Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc D (chết) và bà Huỳnh Thị B- sinh năm 1952; vợ: Đặng Thị Thùy N, sinh năm 1985 (đã ly hôn); con: 02 đứa lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử lý hình sự và hành chính. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Trịnh Đông L – sinh ngày 05/01/1990 tại tỉnh Quảng Ngãi

Nơi cư trú: Tổ dân phố D, phường Q, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi

Nghề nghiệp: Nông; Trình độ văn hóa: 08/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Đông C, sinh năm 1953 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1956; vợ: Hồ Thị Kim T, sinh năm 1991, con: 02 đứa lớn nhất sinh năm 2016, nhỏ nhất sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử lý hành chính và hình sự. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

3. Trần Mạnh T – sinh ngày 13/4/1995 tại tỉnh Quảng Ngãi

Nơi cư trú: Tổ dân phố B, phường Q, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi

Nghề nghiệp: Nuôi ốc; Trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần T, sinh năm 1970 và bà Bùi Thị H, sinh năm 1975; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử lý hành chính và hình sự. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Thành V – sinh ngày 21/11/1981 tại tỉnh Quảng Ngãi

Nơi cư trú: Tổ dân phố D, phường Q, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi

Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn T (chết) và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1941; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử lý hành chính và hình sự. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

5. Lê Quý T – sinh ngày 16/11/1993 tại tỉnh Quảng Ngãi

Nơi cư trú: Tổ dân phố D, phường Q, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi

Nghề nghiệp: Làm biển; Trình độ văn hóa: 08/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1963; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 26/12/2014, Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ (nay là thị xã Đức Phổ), tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; bị cáo đã chấp hành xong bản án. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

6. Nguyễn Ngọc L – sinh ngày 22/10/1991 tại tỉnh Quảng Ngãi

Nơi cư trú: Thôn M, xã T, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi

Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức S, sinh năm 1964 và bà Lê Thị Kim O, sinh năm 1966; vợ: Phan Thị Mỹ L, sinh năm 1990 (đã ly hôn), con 01 đứa sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử lý hành chính và hình sự. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Quý T có: Bà Hồng Thị Tràng – Trợ giúp viên pháp lý, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ: Số 63 Phan Đình Phùng, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt

Người làm chứng:

- Bà Hồ Thị Kim T, sinh năm 1992; nơi cư trú: Tổ dân phố D, phường Q, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt

- Anh Lê Quốc H, sinh năm 1992; nơi cư trú: Vùng A, tổ dân phố H, phường Q, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt

- Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1978; nơi cư trú: Tổ dân phố H, phường Q, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 20/02/2024, các bị cáo Nguyễn Thành V, Trần Mạnh T và Nguyễn Ngọc B đến quán cà phê - bida Hương Quê của bị cáo Trịnh Đông L ở TDP D, phường Q, thị xã Đ để chơi và uống cà phê, đến khoảng 12 giờ cùng ngày thì B đề xuất việc đánh bạc trái phép thắng thua bằng tiền dưới hình thức chơi bài tiến lên thì tất cả cùng thống nhất, L lấy tấm vải trải xuống phản gỗ phía sau quán và lấy bài tây sẵn có tại quán (các bộ bài mục đích để phục vụ khách đánh bi da lỗ) để cùng B, V, T đánh bạc.

Khi đánh bạc, bị cáo Trịnh Đông L có số tiền 1.100.000 đồng sử dụng hết vào mục đích đánh bạc. Bị cáo Trần Mạnh T có trong người số tiền 6.500.000 đồng bọc ở 02 túi quần, nhưng chỉ có mục đích sử dụng 2.500.000 đồng đánh bạc, T lấy 700.000 đồng để dưới chiếu bạc chơi trước, số tiền đánh bạc còn lại 1.800.000 đồng thì vẫn để tại túi quần trước bên trái, số tiền 4.000.000 đồng T để dành cho việc mua nguyên liệu nuôi ốc hương nên bọc ở túi quần trước bên phải. Bị cáo Nguyễn Ngọc B có số tiền 5.442.000 đồng, nhưng chỉ có mục đích sử dụng 900.000 đồng để đánh bạc và để số tiền này dưới chiếu bạc, số tiền 4.542.000 đồng không sử dụng vào mục đích đánh bạc nên bọc ở túi quần. Bị cáo Nguyễn Thành V có số tiền 950.000 đồng sử dụng hết vào đánh bạc và để số tiền trên chiếu bạc.

Các bị cáo Nguyễn Ngọc B, Trịnh Đông L, Trần Mạnh T và Nguyễn Thành V đánh bạc với nhau đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày thì bị cáo Nguyễn Ngọc L và bị cáo Lê Quý T đến quán của Trịnh Đông L (vì trước đó Nguyễn Ngọc B gọi cho L và T đến quán của Trịnh Đông L để chơi). Lúc này có 06 người nên các bị cáo thống nhất chuyển hình thức đánh bạc từ đánh tiến lên sang đánh bài điểm – cào tổ và thỏa thuận phương thức đánh bạc: mức đặt cược 50.000 đồng/01 người/01 ván, chia 03 lá bài/ 01 người, tính điểm, tổ tối đa 03 lần/01 ván, mỗi lần tổ từ 50.000 đồng - 100.000 đồng/01 người tham gia tổ, người nào thắng số tiền trên 500.000 đồng/01 ván thì góp tiền xâu 50.000 đồng (tiền xâu dùng mua nước và mua bài phục vụ đánh bạc).

Khi tham gia đánh bạc bị cáo Lê Quý T có số tiền 4.050.000 đồng, nhưng chỉ có mục đích sử dụng số tiền 1.050.000 đồng đánh bạc và để dưới chiếu bạc, số tiền 3.000.000 đồng T để dành trả nợ cho ông Đặng Hồng H (SN 1978, trú tại TDP H, phường Q, thị xã Đ) vì trước đó mượn tiền phần đi biển. Bị cáo Nguyễn Ngọc L khi vào sòng bạc có số tiền 3.250.000 đồng, L sử dụng 650.000 đồng vào mục đích đánh bạc, số tiền còn lại 2.600.000 đồng mục đích để dành chi phí vào thành phố Hồ Chí Minh làm việc. Ngoài ra, trong quá trình đánh bạc còn có Lê Quốc H (SN: 1992, trú tại TDP H, phường Q, thị xã Đ) ngồi tại sòng bạc nhưng không tham gia đánh bạc mà chỉ ngồi xem.

Quá trình đánh bạc Trịnh Đông L thua hết tiền nên nghỉ, còn lại 05 bị cáo Nguyễn Ngọc B, Trần Mạnh T, Nguyễn Thành V, Lê Quý T, Nguyễn Ngọc L tiếp tục đánh bạc đến 15 giờ 15 phút cùng ngày thì bị Công an thị xã Đức Phổ phát hiện lập biên bản vụ việc, tạm giữ các vật chứng liên quan đến việc đánh bạc.

Qua xác minh, điều tra căn cứ vào số tiền tạm giữ tại hiện trường và lời khai của các bị cáo đủ chứng cứ xác định số tiền dùng đánh bạc của các bị cáo Nguyễn Ngọc B, Trịnh Đông L, Trần Mạnh T, Nguyễn Thành V, Lê Quý T, Nguyễn Ngọc L là 9.350.000 đồng, gồm: 4.250.000 đồng dưới sòng bạc và tại vị trí ngồi của các bị cáo + 1.800.000 đồng (trong người của Trần Mạnh T mà T khai dùng để đánh bạc) + 2.800.000 đồng (trong người của Lê Quý T mà T khai dùng để đánh bạc) + 500.000 đồng (trong người của Nguyễn Ngọc L mà L khai sử dụng để đánh bạc). Đánh bạc dưới hình thức chơi bài điểm – cào tổ thắng thua bằng tiền là hình thức đánh bạc nhiều người cùng tham gia đánh với nhau nên 06 bị cáo trong vụ án này phải chịu trách nhiệm hình sự chung đối với tổng số tiền đánh bạc nêu trên.

Cáo trạng số: 25/CT - VKS –ĐP ngày 21/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ đã truy tố các bị cáo Nguyễn Ngọc B, Trịnh Đông L, Trần Mạnh T, Nguyễn Thành V, Lê Quý T, Nguyễn Ngọc L theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ vẫn giữ nguyên cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Ngọc B, Trịnh Đông L, Trần Mạnh T, Nguyễn Thành V, Lê Quý T, Nguyễn Ngọc L phạm tội Đánh bạc.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 36; Điều 58; khoản 3 Điều 321, khoản 2 Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc B từ 18 đến 24 tháng cải tạo không giam giữ và phạt bổ sung bị cáo từ 20 triệu đến 25 triệu đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 36; Điều 58; khoản 3 Điều 321, khoản 2 Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xử bị cáo Trịnh Đông L từ 12 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ và phạt bổ sung bị cáo từ 15 triệu đến 20 triệu đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 36; Điều 58; khoản 3 Điều 321, khoản 2 Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xử bị cáo Trần Mạnh T từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ và phạt bổ sung bị cáo từ 10 triệu đến 15 triệu đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 36; Điều 58; khoản 3 Điều 321, khoản 2 Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xử bị cáo Nguyễn Thành V từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ và phạt bổ sung bị cáo từ 10 triệu đến 15 triệu đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 36; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xử bị cáo Lê Quý T từ 18 đến 24 tháng cải tạo không giam giữ và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 36, Điều 58, khoản 3 Điều 321, khoản 2 Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xử bị cáo Nguyễn Ngọc L từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ và phạt bổ sung bị cáo từ 10 triệu đến 15 triệu đồng.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo

Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Đề nghị tịch thu tiêu hủy: 03 bộ bài tây 52 lá đã qua sử dụng; 01 tấm vải màu xanh có kích thước (138/69) cm đã qua sử dụng;

- Đề nghị tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền dùng vào việc đánh bạc của bị cáo Trần Mạnh T 1.800.000đồng, Lê Quý T 2.800.000đồng, Nguyễn Ngọc L 500.000đồng và 4.250.000đồng trên chiếu bạc.

- Trả lại cho bị cáo Trần Mạnh T 4.000.000đồng; Nguyễn Ngọc B 4.542.000đồng, Lê Quý T 3.000.000đồng và Nguyễn Ngọc L 2.600.000đồng.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Quý T thống nhất với tội danh mà đại diện Viện kiểm sát đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 321, các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 36 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo mức án từ 06 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ; không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an thị xã Đức Phổ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Ngọc B, Trịnh Đông L, Trần Mạnh T, Nguyễn Thành V, Lê Quý T, Nguyễn Ngọc L đều khai nhận đã có hành vi đánh bạc bằng tiền theo hình thức đánh bài điểm – cào tó tại quán cà phê- bi da Hương Quê của bị cáo L. Lời khai của các bị cáo phù hợp với

lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án nên có cơ sở để xác định vào ngày 20/02/2024 các bị cáo đã có hành vi đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức đánh bài điểm – cào tổ

[3] Theo biên bản vụ việc của Công an thị xã Đức Phổ vào lúc 15 giờ 20 phút ngày 20 tháng 02 năm 2024 thu tại chiếu bạc và quá trình điều tra xác định số tiền được dùng vào việc đánh bạc và thu tại chiếu bạc của các bị cáo Nguyễn Ngọc B, Trần Mạnh T, Nguyễn Thành V, Trịnh Đông L, Lê Quý T và Nguyễn Ngọc L là 9.350.000đồng. Đánh bạc dưới hình thức chơi bài điểm – cào tổ thắng thua bằng tiền là hình thức đánh bạc nhiều người cùng tham gia đánh với nhau nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự chung đối với số tiền các bị cáo tham gia. Nên cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ truy tố các bị cáo Nguyễn Ngọc B, Trần Mạnh T, Nguyễn Thành V, Trịnh Đông L, Lê Quý T và Nguyễn Ngọc L về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Đây là vụ án đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn.

[4] Xét các bị cáo là công dân Việt Nam có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có trình độ nhận thức về pháp luật và xã hội, biết rõ hành vi đánh bạc là một tệ nạn xã hội, vi phạm pháp luật. Nhưng do ý thức xem thường pháp luật nên đã dẫn các bị cáo vào con đường phạm tội. Hành vi của các bị cáo xâm phạm đến an ninh trật tự ở địa phương. Hội đồng xét xử nghị nên xử phạt các bị cáo với mức án tương xứng với tính chất và hành vi phạm tội của các bị cáo để nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[5] Đối với bị cáo Lê Quý T là người tham gia đánh bạc sau các bị cáo Nguyễn Ngọc B, Trịnh Đông L, Trần Mạnh T nhưng xét nhân thân bị cáo vào năm 2014 bị cáo đã bị xử phạt về hành vi Trộm cắp tài sản, bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng bản thân thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội mà còn tiếp tục phạm tội nên cần xử phạt bị cáo với mức án tương xứng với tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo, là lao động chính trong gia đình, có hoàn cảnh khó khăn; tính chất, mức độ của tội phạm bị cáo thực hiện thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; mặc dù bị cáo đã bị xử lý hình sự 01 lần về hành vi Trộm cắp tài sản, đã chấp hành xong bản án vào năm 2015 và từ khi chấp hành xong bản án đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo luôn chấp hành chính sách, pháp luật của nhà nước. Vì vậy, Hội đồng xét xử không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật. Bị cáo có nghề nghiệp nhưng thu nhập không ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo

và bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Đối với bị cáo Nguyễn Ngọc B là người đề xuất việc đánh bạc trái phép nên bị cáo phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án cần xử phạt bị cáo với mức án cao hơn các bị cáo còn lại. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên Hội đồng xét xử cần áp dụng các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[7] Đối với các bị cáo Trần Mạnh T, Nguyễn Thành V, Trịnh Đông L và Nguyễn Ngọc L là những người trực tiếp tham gia đánh bạc, tùy theo mức độ hành vi phạm tội mà Hội đồng xét xử xử phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo. Nhưng sau khi phạm tội các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên Hội đồng xét xử áp dụng các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo. Riêng bị cáo V có cha là thương binh nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[8] Đối với Lê Quốc H ngồi tại sòng bạc khi lực lượng chức năng phát hiện các bị cáo đang đánh bạc, tuy nhiên quá trình điều tra xác định H không tham gia đánh bạc mà chỉ ngồi xem. Do đó không có căn cứ xác định Lê Quốc H đồng phạm với các bị cáo.

[9] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu tiêu hủy: 03 bộ bài tây 52 lá đã qua sử dụng; 01 tấm vải màu xanh có kích thước (138/69) cm đã qua sử dụng;

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền dùng vào việc đánh bạc của bị cáo Trần Mạnh T 1.800.000đồng, Lê Quý T 2.800.000đồng, Nguyễn Ngọc L 500.000đồng và 4.250.000đồng trên chiếu bạc.

- Trả lại cho bị cáo Trần Mạnh T 4.000.000đồng; Nguyễn Ngọc B 4.542.000đồng, Lê Quý T 3.000.000đồng và Nguyễn Ngọc L 2.600.000đồng.

[10] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Các bị cáo Nguyễn Ngọc B, Trần Mạnh T, Nguyễn Thành V, Trịnh Đông L và Nguyễn Ngọc L mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Lê Quý T thuộc diện hộ nghèo có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên miễn tiền án phí hình sự cho bị cáo Lê Quý T

[11] Xét đề nghị của Viện kiểm sát về phần hình phạt đối với bị cáo Lê Quý T, biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Đối với đề nghị về phần hình phạt đối với bị cáo

Nguyễn Ngọc B, Trịnh Đông Luận, Trần Mạnh T, Nguyễn Thành V và Nguyễn Ngọc L không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận. Đối với đề nghị của người bào chữa cho bị cáo T có một phần không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 36; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo **Lê Quý T** phạm tội “Đánh bạc”

Xử phạt bị cáo Lê Quý T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi nhận được bản án và quyết định thi hành án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Q, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Lê Quý T

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Ngọc B** phạm tội “Đánh bạc”

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc B 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng)

3. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo **Trần Mạnh T** phạm tội “Đánh bạc”

Xử phạt bị cáo Trần Mạnh T 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng)

4. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo **Trịnh Đông L** phạm tội “Đánh bạc”

Xử phạt bị cáo Trịnh Đông L 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng)

5. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thành V** phạm tội “Đánh bạc”

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành V 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng)

6. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Ngọc L** phạm tội “Đánh bạc”

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc L 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng)

7. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

7.1 Tịch thu tiêu hủy: 03 bộ bài tây 52 lá đã qua sử dụng; 01 tấm vải màu xanh có kích thước (138/69) cm đã qua sử dụng. Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/6/2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

7.2 Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền dùng vào việc đánh bạc của bị cáo Trần Mạnh T 1.800.000đồng (một triệu tám trăm nghìn đồng), Lê Quý T 2.800.000đồng (hai triệu tám trăm nghìn đồng), Nguyễn Ngọc L 500.000đồng (năm trăm nghìn đồng) và 4.250.000đồng (bốn triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng) trên chiếu bạc.

7.3 Trả lại cho bị cáo Trần Mạnh T 4.000.000đồng (bốn triệu đồng); Nguyễn Ngọc B 4.542.000đồng (bốn triệu, năm trăm bốn mươi hai nghìn đồng), Lê Quý T 3.000.000đồng (ba triệu đồng) và Nguyễn Ngọc L 2.600.000đồng (hai triệu sáu trăm nghìn đồng).

Số tiền này hiện đang tạm giữ trong tài khoản số 3949.0.1043763.00000 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tại Kho bạc Nhà nước thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

8. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc các bị cáo Nguyễn Ngọc B, Trịnh Đông L; Trần Mạnh T, Nguyễn Ngọc L và Nguyễn Thành V mỗi bị cáo phải nộp 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm. Miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lê Quý T.

9. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TX.Đức Phổ;
- Cơ quan CSĐT công an TX.Đức Phổ;
- Cơ quan THAHS công an TX.Đức Phổ;
- Chi cục THADS TX.Đức Phổ;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Đức